TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẦU KÈ** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2024/DS-ST
Ngày 01-8-2024
V/v tranh chấp hợp đồng góp hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU KÈ, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Tính

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Thạch Phới

Bà Trần Thị Thúy Phượng

- Thư ký phiên tòa: Bà Lâm Thị Hòa Xuân, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Thân - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 121/2024/TLST-DS ngày 11 tháng 6 năm 2024 về việc "Tranh chấp hợp đồng góp hụi", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 55/2024/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lữ Thị Thanh T, sinh năm 1969; địa chỉ: Ấp K, xã P, huyện C, tỉnh Trà Vinh. (xin xét xử vắng mặt)

- *Bị đơn:*

1. Bà Cao Ngọc T, sinh năm 1976; địa chỉ: Ấp K, xã P, huyện C, tỉnh Trà Vinh. (xin xét xử vắng mặt)

2. Ông Châu Thanh B, sinh năm 1975; địa chỉ: Ấp K, xã P, huyện C, tỉnh Trà Vinh. (xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lữ Thị Thanh T trình bày:

Ngày 29/9/2022 âm lịch, bà có làm đầu thảo hụi, loại hụi 2.000.000 đồng/phần, hụi khui hàng tháng 1 lần, gồm 24 phần, trong đó vợ chồng bà Cao Ngọc T và ông Châu Thanh B tham gia 01 phần, trong danh sách hụi ghi tên là "chị T", vợ chồng bà Cao Ngọc T và ông Châu Thanh B đóng hụi sống được 02 lần đến lần khui thứ 3 thì kêu hốt được 34.700.000 đồng đã trừ hoa hồng đầu thảo, sau đó đóng hụi chết được 15 lần rồi ngưng nên bà đã đóng choàng thay bà Cao Ngọc T và ông Châu Thanh B 04 lần ở lần khui thứ 18, 19, 20, 21 với số tiền 8.000.000 đồng.

Nay bà yêu cầu bà Cao Ngọc T và ông Châu Thanh B phải trả lại cho bà tiền hụi bà đã đóng thay là 8.000.000 đồng ở các lần khui thứ 18, 19, 20, 21 tại dây hụi mở ngày 29/9/2022 âm lịch do bà làm đầu thảo, loại hụi 2.000.000 đồng/phần, hụi khui hàng tháng 1 lần, gồm 24 phần, trong đó vợ chồng bà Cao Ngọc T và ông Châu Thanh B tham gia 01 phần, trong danh sách hụi ghi tên là "chị T". Bà không yêu cầu tính lãi.

Theo lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Cao Ngọc T trình bày:

Bà có tham gia dây hụi mở ngày 29/9/2022 âm lịch, do bà Lữ Thị Thanh T làm đầu thảo, loại hụi 2.000.000 đồng/phần, hụi khui hàng tháng 1 lần, gồm 24 phần, trong đó vợ chồng bà tham gia 01 phần, trong danh sách hụi ghi tên là "chị T" như bà Lữ Thị Thanh T trình bày. Do gặp khó khăn trong quá trình làm ăn nên không đóng hụi đúng hạn cho bà Lữ Thị Thanh T. Nay bà Lữ Thị Thanh T yêu cầu vợ chồng bà trả cho bà Lữ Thị Thanh T số tiền 8.000.000 đồng tương ứng với các lần khui thứ 18, 19, 20, 21 của 01 phần hụi ở dây hụi mở ngày 29/9/2022 âm lịch do bà Lữ Thị Thanh T làm đầu thảo, loại hụi 2.000.000 đồng/phần, hụi khui hàng tháng 1 lần, gồm 24 phần, trong đó vợ chồng bà tham gia 01 phần, thì bà đồng ý trả cho bà Lữ Thị Thanh T.

Đối với yêu cầu khởi kiện của bà Lữ Thị Thanh T yêu cầu ông Châu Thanh B cùng bà trả số tiền nợ hụi trên cho bà Lữ Thị Thanh T thì bà Cao Ngọc T cho rằng ông Châu Thanh B chồng bà chỉ biết việc bà có tham gia chơi hụi của bà Lữ Thị Thanh T thôi còn việc bà tham gia chơi hụi của bà Lữ Thị Thanh T ở dây hụi nào, hốt hụi, khui hụi ra sao thì ông Châu Thanh B không biết. Đến khi bà không có khả năng đóng hụi chết được nữa thì bà mới ra gặp bà Lữ Thị Thanh T thỏa thuận phương thức trả, và sau đó bà mới về nói lại chi tiết với ông Châu Thanh B. Ý kiến của chồng bà ông Châu Thanh B vẫn đồng ý cùng bà trả số tiền nợ hụi trên cho bà Lữ Thị Thanh T, nhưng do ông Châu Thanh B không đồng ý việc bà Lữ Thị Thanh T khởi kiện danh tính chồng bà ra Tòa án và ông Châu Thanh B không đồng ý ký tên vào các văn bản của Tòa án. Bà vẫn thừa nhận có tham gia các dây hụi trên do bà Lữ Thị Thanh T làm đầu thảo và vẫn đồng ý trả toàn bộ số tiền hụi chết mà bà Lữ Thị Thanh T đã đóng choàng thay cho bà.

Bị đơn ông Châu Thanh B: Trong suốt quá trình giải quyết vụ án vắng mặt nên không có lời khai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

Về việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký từ khi thụ lý giải quyết vụ án đến khi Hội đồng xét xử vụ án đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng. Các đương sự đã thực hiện đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đương sự.

Về nội dung vụ án: Vị Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lữ Thị Thanh T, buộc bị đơn bà Cao Ngọc T và ông Châu Thanh B có nghĩa vụ trả cho bà Lữ Thị Thanh T số tiền nợ hụi 8.000.000 đồng. Ngoài ra, vị Kiểm sát viên còn đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết về án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết, quan hệ pháp luật tranh chấp: Trong vụ kiện này nguyên đơn bà Lữ Thị Thanh T khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bị đơn bà Cao Ngọc T và ông Châu Thanh B trả cho bà Lữ Thị Thanh T số tiền nợ hụi 8.000.000 đồng, do đó Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án này là "Tranh chấp hợp đồng góp hụi". Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn bà Lữ Thị Thanh T, bị đơn bà Cao Ngọc T và ông Châu Thanh B vắng mặt nhưng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà Lữ Thị Thanh T, bà Cao Ngọc T và ông Châu Thanh B theo quy định.

[3] Về nội dung vụ án: Bà Lữ Thị Thanh T khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bị đơn bà Cao Ngọc T và ông Châu Thanh B trả cho bà Lữ Thị Thanh T số tiền nợ hụi 8.000.000 đồng mà bà đã đóng thay cho bà Cao Ngọc T và ông Châu Thanh B của 01 phần hụi ở các lần khui thứ 18, 19, 20, 21 tại dây hụi mở ngày 29/9/2022 âm lịch do bà Lữ Thị Thanh T làm đầu thảo hụi, loại hụi 2.000.000 đồng/phần, hụi khui hàng tháng 1 lần, gồm 24 phần, trong đó vợ chồng bà Cao Ngọc T và ông Châu Thanh B tham gia 01 phần, trong danh sách hụi ghi tên là "chị T"; để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện bà Lữ Thị Thanh T cung cấp cho Tòa án "Danh sách hụi ngày 29/9/2022 âm lịch, giấy nhận tiền hụi", quá trình giải quyết vụ án bà Cao Ngọc T cũng thừa nhận có tham gia 01 phần hụi của dây hụi ngày 29/9/2022 âm lịch do bà Lữ Thị Thanh T làm đầu thảo hụi và còn nợ bà Lữ Thị Thanh T số tiền

8.000.000 đồng tương ứng với các lần khui thứ 18, 19, 20, 21 của 01 phần hụi ở dây hụi mở ngày 29/9/2022 âm lịch như bà Lữ Thị Thanh T trình bày nên đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do bà Cao Ngọc T đã kêu hốt hụi của 01 phần hụi tại dây hụi ngày 29/9/2022 âm lịch do bà Lữ Thị Thanh T làm đầu thảo hụi nhưng không thanh toán hụi chết cho bà Lữ Thị Thanh T ở các lần khui thứ 18, 19, 20, 21 của 01 phần hụi này với số tiền 8.000.000 đồng nên bà Lữ Thị Thanh T khởi kiện yêu cầu bà Cao Ngọc T trả cho bà Lữ Thị Thanh T số tiền nợ hụi 8.000.000 đồng là có căn cứ.

Về nghĩa vụ trả nợ hụi: Bà Lữ Thị Thanh T yêu cầu ông Châu Thanh B có trách nhiệm cùng bà Cao Ngọc T trả cho bà Lữ Thị Thanh T số tiền nợ hụi 8.000.000 đồng; ông Châu Thanh B vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và cũng không cung cấp lời khai cho Tòa án; thời điểm bà Cao Ngọc T tham gia dây hụi ngày 29/9/2022 âm lịch do bà Lữ Thị Thanh T làm đầu thảo thì giữa bà Cao Ngọc T và ông Châu Thanh B là quan hệ vợ chồng hợp pháp, qua xác minh tại địa phương nơi bà Cao Ngọc T và ông Châu Thanh B cư trú thì được biết bà Cao Ngọc T và ông Châu Thanh B là vợ chồng hiện đang sống chung không có thời gian ly thân; tuy mọi giao dịch góp hụi đều do bà Cao Ngọc T thực hiện với bà Lữ Thị Thanh T nhưng bà Cao Ngọc T khai số tiền hốt hụi từ các dây hụi này bà sử dụng vào việc chi tiêu sinh hoạt trong gia đình, trang trải chi tiêu trong cuộc sống, trả tiền phân thuốc khi làm ruộng bị thua lỗ. Mọi chi tiêu tiền bạc trong nhà vợ chồng cùng quản lý và chi xài chung, công việc làm ăn chung, không có kinh doanh gì riêng; trong quá trình chung sống thì mọi việc chi tiêu lớn nhỏ trong gia đình đều có sự bàn bạc thống nhất giữa vợ chồng; ông Châu Thanh B đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án và và các văn bản tố tụng nhưng xin vắng mặt và không cung cấp ý kiến bằng văn bản về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cho Tòa án nên phải chịu hậu quả pháp lý của việc từ chối quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông. Như vậy, có cơ sở xác định việc bà Cao Ngọc T tham gia dây hụi ngày 29/9/2022 âm lịch do bà Lữ Thị Thanh T làm đầu thảo là để phục vụ nhu cầu thiết yếu của gia đình của bà Cao Ngọc T và ông Châu Thanh B. Tại Điều 27 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định "Vợ, chồng chịu trách nhiệm liên đới đối với giao dịch do một bên thực hiện quy định tại khoản 1 Điều 30…." và tại khoản 1 Điều 30 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định "Vợ, chồng có quyền, nghĩa vụ thực hiện giao dịch nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình". Do đó, bà Lữ Thị Thanh T yêu cầu bà Cao Ngọc T và ông Châu Thanh B cùng có nghĩa vụ liên đới trả nợ hụi cho bà Lữ Thị Thanh T là có căn cứ.

Do đó buộc bà Cao Ngọc T và ông Châu Thanh B phải có nghĩa vụ trả cho bà Lữ Thị Thanh T số tiền nợ hụi 8.000.000 đồng của 01 phần hụi ở các lần khui thứ 18, 19, 20, 21 của dây hụi mở ngày 29/9/2022 âm lịch, loại hụi 2.000.000 đồng/phần, hụi khui hàng tháng 1 lần, gồm 24 phần do bà Lữ Thị Thanh T làm đầu thảo.

[4] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; bị đơn bà Cao Ngọc T và ông Châu Thanh B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền nguyên đơn được chấp nhận yêu cầu là 8.000.000 đồng x 5% = 400.000 đồng; nguyên đơn bà Lữ Thị Thanh T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho bà Lữ Thị Thanh T 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000987 ngày 28/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo Bản án theo quy định của pháp luật.

[6] Xét quan điểm của vị Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 40, Điều 92, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 468 và 471 Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 27 và 30 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lữ Thị Thanh T.

Buộc bà Cao Ngọc T và ông Châu Thanh B có nghĩa vụ trả cho bà Lữ Thị Thanh T số tiền nợ hụi 8.000.000 đồng của 01 phần hụi ở các lần khui thứ 18, 19, 20, 21 của dây hụi mở ngày 29/9/2022 âm lịch, loại hụi 2.000.000 đồng/phần, hụi khui hàng tháng 1 lần, gồm 24 phần do bà Lữ Thị Thanh T làm đầu thảo.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Buộc bà Cao Ngọc T và ông Châu Thanh B phải chịu 400.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Bà Lữ Thị Thanh T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho bà Lữ Thị Thanh T 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000987 ngày 28/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Cầu Kè;
- CCTHADS huyện Cầu Kè;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Hữu Tính